

*

Số 5517 -QĐ/HVCTQGHCM

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điểm trúng tuyển và công nhận trúng tuyển
đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026, khóa 33 (2026-2028)**

- Căn cứ Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;
- Căn cứ Quyết định số 8488/QĐ-HVCTQG ngày 23/3/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xét điểm trúng tuyển trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026.

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng.

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt điểm trúng tuyển (**50,0/100**) vào các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Điều 2. Công nhận **104** ứng viên trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026, khóa 33 (2026-2028) của 10 ngành (*có danh sách trúng tuyển kèm theo*).

Điều 3. Ứng viên trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026 có trách nhiệm làm thủ tục nhập học và được hưởng các quyền lợi theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Thủ trưởng đơn vị liên quan và các ứng viên có tên trong danh sách tại Điều 2 thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Giám đốc Học viện;
- Như Điều 4;
- Website Học viện;
- Lưu văn thư, VQLĐTBD.



GIÁM ĐỐC

Đoàn Minh Huân

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2026

DANH SÁCH ỨNG VIÊN

TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 5517 -QĐ/HVCTQG HCM ngày 18 tháng 9 năm 2026
của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Kết quả xét tuyển (Điểm xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có); Thang điểm 100)	Ghi chú
1	Hoàng Nhật Quỳnh	08/08/2003	Nữ	Triết học	85,00	
2	Mai Thị Khánh Huyền	15/01/2004	Nữ	Triết học	85,00	
3	Trần Thanh Mai	02/10/2000	Nữ	Triết học	80,00	
4	Trần Thị Diệu Anh	26/08/2003	Nữ	Triết học	80,00	
5	Quang Ngọc Huyền	31/08/2003	Nữ	Triết học	80,00	
6	Nguyễn Đỗ Đăng Khoa	05/05/2002	Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	82,50	
7	Đoàn Văn Chính	01/01/2004	Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	80,00	
8	Ngô Văn Lưu	21/11/2004	Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	80,00	
9	Nguyễn Việt Anh	30/10/2003	Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	80,00	
10	Doãn Hồng Nhung	17/03/2004	Nữ	Chính trị học	81,00	
11	Bùi Hà Phương Linh	05/10/2003	Nữ	Chính trị học	78,00	
12	Phan Thu Giang	28/09/2004	Nữ	Chính trị học	78,00	
13	Hoàng Văn Long	30/11/2003	Nam	Quan hệ quốc tế	82,00	
14	Nguyễn Ngọc Anh	25/12/1998	Nữ	Quản lý văn hóa	76,00	
15	Nguyễn Ngọc Tường Linh	19/09/1998	Nữ	Quản lý văn hóa	72,50	
16	Nguyễn Thị Lan Anh	16/08/2002	Nữ	Quản lý văn hóa	71,00	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Kết quả xét tuyển (Điểm xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có); Thang điểm 100)	Ghi chú
17	Nguyễn Hữu Minh	13/07/1999	Nam	Quản lý văn hóa	71,00	
18	Nguyễn Thị Thanh Huyền	21/06/1979	Nữ	Quản lý văn hóa	70,30	
19	Nguyễn Doãn Thành Đạt	01/11/2000	Nam	Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật	81,30	
20	Phạm Công Minh	27/10/1991	Nam	Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật	77,90	
21	Hà Như Quỳnh	03/12/2003	Nữ	Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật	77,00	
22	Mông Anh Tuấn	13/03/2000	Nam	Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật	76,90	
23	Nguyễn Thị Hồng Lĩnh	27/11/2002	Nữ	Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật	75,00	
24	Nguyễn Gia Bảo	02/11/1999	Nam	Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật	73,20	
25	Hà Ngọc Mai	04/09/1999	Nữ	Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật	73,00	
26	Đỗ Thị Phương Anh	12/05/2003	Nữ	Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật	71,40	
27	Trần Xuân Thành	16/10/1986	Nam	Pháp luật về quyền con người	79,00	
28	Dương Mạnh Cường	14/04/2002	Nam	Pháp luật về quyền con người	76,00	
29	Nguyễn Thu Huyền	11/03/2000	Nữ	Pháp luật về quyền con người	76,00	
30	Đỗ Ngọc Thuận	17/06/2003	Nam	Pháp luật về quyền con người	73,00	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Kết quả xét tuyển (Điểm xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có); Thang điểm 100)	Ghi chú
31	Nguyễn Trần Tổ Trân	01/01/2000	Nữ	Pháp luật về quyền con người	73,00	
32	Phạm Đình Hiệp	26/06/1993	Nam	Pháp luật về quyền con người	72,50	
33	Nguyễn Hải Vy	09/07/2004	Nữ	Pháp luật về quyền con người	72,00	
34	Đỗ Văn Tiệp	15/03/1989	Nam	Pháp luật về quyền con người	71,00	
35	Mậu Xuân Cường	17/02/1985	Nam	Pháp luật về quyền con người	70,50	
36	Đinh Quang Vinh	21/09/1990	Nam	Pháp luật về quyền con người	60,00	
37	Đào Trần Thanh	07/02/2003	Nam	Pháp luật về quyền con người	78,00	
38	Đinh Trường Quang Minh	22/02/1972	Nam	Pháp luật về quyền con người	77,00	
39	Lê Thị Thiên	29/01/1990	Nữ	Pháp luật về quyền con người	76,00	
40	Phạm Mạnh Thường	01/10/1979	Nam	Pháp luật về quyền con người	73,00	
41	Lương Thị Khương	21/09/1979	Nữ	Pháp luật về quyền con người	73,00	
42	Trần Thị Mỹ Dương	05/06/2000	Nữ	Pháp luật về quyền con người	73,00	
43	Trần Minh Duy	28/03/1994	Nam	Pháp luật về quyền con người	72,00	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Kết quả xét tuyển (Điểm xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có); Thang điểm 100)	Ghi chú
44	Nguyễn Tuấn Vũ	13/06/1999	Nam	Pháp luật về quyền con người	72,00	
45	Đỗ Hoàng Quỳnh Trang	26/11/1986	Nữ	Pháp luật về quyền con người	71,00	
46	Trần Thanh Hiền	01/01/2003	Nam	Pháp luật về quyền con người	70,00	
47	Trần Huỳnh Lam	23/01/1997	Nam	Pháp luật về quyền con người	70,00	
48	Trần Vũ Mai Linh	04/12/1997	Nữ	Pháp luật về quyền con người	69,50	
49	Đinh Hữu Dương	01/07/1997	Nam	Pháp luật về quyền con người	69,00	
50	Ngô Thanh Nguyễn Hiếu Thảo	20/09/1985	Nữ	Pháp luật về quyền con người	65,00	
51	Lê Đình Phú	28/05/2000	Nam	Pháp luật về quyền con người	60,00	
52	Nguyễn Linh Nga	09/02/1984	Nữ	Quản lý kinh tế	81,00	
53	Tạ Ngọc Mai	02/11/2003	Nữ	Quản lý kinh tế	80,00	
54	Nguyễn Phương Thảo	11/09/1999	Nữ	Quản lý kinh tế	79,50	
55	Trương Công Vũ	14/11/2000	Nam	Quản lý kinh tế	78,00	
56	Nguyễn Ngọc Anh	28/07/1996	Nam	Quản lý kinh tế	76,50	
57	Trịnh Thị Trang	02/01/1990	Nữ	Quản lý kinh tế	76,00	
58	Hoàng Thị Thu	22/05/1991	Nữ	Quản lý kinh tế	76,00	
59	Nguyễn Khánh Trang	22/12/1991	Nữ	Quản lý kinh tế	74,50	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Kết quả xét tuyển (Điểm xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có); Thang điểm 100)	Ghi chú
60	Phạm Hồng Đức	31/03/1981	Nam	Quản lý kinh tế	74,50	
61	Trịnh Thị Thảo	12/06/1986	Nữ	Quản lý kinh tế	73,00	
62	Đỗ Thị Tân Thủy	21/08/1980	Nữ	Quản lý kinh tế	71,50	Con thương binh
63	Lê Huỳnh Hà Minh	29/08/2003	Nữ	Quản lý kinh tế	66,50	
64	Chu Vũ Tấn Dũng	12/02/1997	Nam	Quản lý kinh tế	66,25	
65	Lương Kiều Linh	29/08/1993	Nữ	Quản lý nhà nước	77,00	
66	Nguyễn Phương Thảo	27/11/2004	Nữ	Quản lý nhà nước	75,10	
67	Nguyễn Thị Duyên	05/09/1997	Nữ	Quản lý nhà nước	72,50	Dân tộc Mường, tỉnh Phú Thọ
68	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	05/12/2002	Nữ	Quản lý nhà nước	71,00	
69	Nguyễn Minh Tâm	18/09/2000	Nữ	Quản lý nhà nước	70,30	
70	Nguyễn Thị Ngân	15/04/1987	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	81,00	
71	Nguyễn Hồng Tươi	26/12/1989	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	81,00	
72	Trần Mạnh Tùng	27/07/2000	Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	80,50	
73	Hà Quang Dũng	10/07/2003	Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	79,50	
74	Triệu Minh Hương	10/06/2001	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	79,50	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Kết quả xét tuyển (Điểm xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có); Thang điểm 100)	Ghi chú
75	Trần Khánh Trang	19/06/2002	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	78,00	
76	Hoàng Văn Cường	01/04/1982	Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	76,00	
77	Nguyễn Thị Dung	07/10/1983	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	76,00	
78	Ngô Thị Hoa	25/06/1989	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	76,00	
79	Vũ Thị Huyền Trang	30/09/1991	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	76,00	
80	Đinh Thị Thúy	22/09/1990	Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	74,50	
81	Phan Anh	05/07/2000	Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	73,00	
82	Mai Thùy Dung	28/11/2003	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	73,00	
83	Trần Thị Linh	26/11/1998	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	73,00	
84	Nguyễn Đức Thịnh	10/07/1993	Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	71,00	
85	Thái Thái Ngọc	14/01/1989	Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	76,00	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Kết quả xét tuyển (Điểm xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có); Thang điểm 100)	Ghi chú
86	Huỳnh Tấn Tài	17/03/1988	Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	76,00	
87	Bùi Trí Phương Vy	06/01/2004	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	73,00	
88	Trần Thị Diễm	01/01/1983	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	71,00	
89	Nguyễn Công Hiệp	31/07/1991	Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	71,00	
90	Nguyễn Thị Hạnh	09/08/1982	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	71,00	
91	Phạm Thi Rô Sa	20/08/1988	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	71,00	
92	Lê Văn Toàn	02/03/1985	Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	71,00	
93	Nguyễn Hoàng Thanh Thúy	03/12/1986	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	71,00	
94	Bùi Hải Vân	09/10/1995	Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	71,00	
95	Nguyễn Hiếu Thuận	08/03/1997	Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	68,50	
96	Đỗ Thủy Tiên	12/01/1977	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	66,50	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Kết quả xét tuyển (Điểm xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có); Thang điểm 100)	Ghi chú
97	Đặng Hoàng Em	20/04/1980	Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	66,50	
98	Lý Văn Thông	01/01/1986	Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	66,50	
99	Hà Phú Quý	08/05/1988	Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	62,75	
100	Huỳnh Thị Liên	12/11/1993	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	62,75	
101	Lê Thị Hồng Châu Long	20/11/1989	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	61,75	
102	Nguyễn Quốc Trung	31/10/1986	Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	61,75	
103	Trần Thị Ngọc Y	09/04/1987	Nữ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	61,50	
104	Phạm Thiệt Khả	01/01/1986	Nam	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	58,50	

Tổng số: 104 học viên